

Số: 1568 /QĐ-UBND

Hoà Bình, ngày 13 tháng 7 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành lĩnh vực thuế
thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tài nguyên và Môi trường,
Ủy ban nhân dân cấp huyện tỉnh Hòa Bình**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HOÀ BÌNH

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn nghiệp vụ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 976/QĐ-BTC ngày 25/6/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành lĩnh vực thuế thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Tài chính;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 340 ngày 06/7/2020.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này danh mục 01 thủ tục hành chính mới ban hành lĩnh vực thuế thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã trên địa bàn tỉnh Hòa Bình.

(Có phụ lục chi tiết kèm theo)

Điều 2. Nội dung cụ thể của TTHC tại Quyết định này được công khai trên Cổng Dịch vụ công quốc gia (địa chỉ: csdl.dichvucong.gov.vn); Cổng Dịch vụ công của tỉnh (địa chỉ: dichvucong.hoabinh.gov.vn), Trang Thông tin điện tử của Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh (địa chỉ: <http://vpubnd.hoabinh.gov.vn>).

Điều 3. Thủ tục hành chính công bố tại Quyết định này được thực hiện tiếp nhận, trả kết quả tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả cấp huyện, cấp xã kể từ ngày ký.

- Giao Sở Tài nguyên và Môi trường

+ Chủ trì, phối hợp với Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh và cơ quan liên quan, căn cứ thủ tục hành chính tại Quyết định này rà soát, xây dựng quy trình nội bộ giải quyết TTHC thuộc thẩm quyền tiếp nhận, giải quyết của cấp tỉnh, cấp huyện trình Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt. Thời gian trước ngày 20/7/2020.

+ Chủ trì, phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông và cơ quan có liên quan đăng tải đầy đủ nội dung cụ thể của TTHC được công bố tại Quyết định này trên Cổng Thông tin điện tử tỉnh, Trang Thông tin điện tử của Sở, Ngành liên quan và niêm yết, công khai TTHC tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh theo quy định.

- Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố thực hiện và chỉ đạo Ủy ban nhân dân cấp xã thuộc phạm vi quản lý niêm yết, công khai TTHC và thực hiện tiếp nhận, trả kết quả tại Bộ phận Một cửa cấp huyện, cấp xã theo quy định.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 5. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Thông tin và Truyền thông, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

CHỦ TỊCH

Bùi Văn Khánh

Phụ lục
THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH LĨNH VỰC THUẾ THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG
QUẢN LÝ CỦA SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH HÒA BÌNH

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 1568/QĐ-UBND ngày 13 tháng 7 năm 2020 của
Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Hòa Bình)

Phần I.
DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
I	Thủ tục hành chính cấp tỉnh, cấp huyện				
1	Kê khai, thẩm định tờ khai phí bảo vệ môi trường đối với nước thải	- Tại Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn: Không quy định thời gian giải quyết. - Tại Sở Tài nguyên và Môi trường, Phòng Tài nguyên và Môi trường: 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận Tờ khai phí.	- Pháp nhân nộp hồ sơ tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Hòa Bình. - Cá nhân, hộ gia đình nộp tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả cấp huyện/cấp xã.	Không	- Nghị định số 53/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 5 năm 2020 của Chính phủ về phí bảo vệ môi trường đối với nước thải.

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HÒA BÌNH

Phần II

NỘI DUNG CỤ THỂ CỦA THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

I. Thủ tục kê khai, thẩm định phí bảo vệ môi trường đối với nước thải

1. Trình tự thực hiện

1.1. Kê khai, thẩm định tờ khai phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt đối với trường hợp tự khai thác nước để sử dụng

Hàng quý, người nộp phí kê khai phí theo Mẫu số 01 ban hành kèm theo Nghị định số 53/2020/NĐ-CP với Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn và nộp phí vào tài khoản “Tạm thu phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt” của Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn mở tại Kho bạc Nhà nước chậm nhất là 20 ngày tháng đầu tiên của quý tiếp theo.

Tổ chức thu phí thực hiện thẩm định Tờ khai phí, trường hợp không đúng với thực tế thì ra Thông báo nộp bổ sung hoặc điều chỉnh giảm số phí phải nộp vào kỳ nộp phí tiếp theo.

1.2. Kê khai, thẩm định tờ khai phí bảo vệ môi trường đối với nước thải công nghiệp

a) Đối với cơ sở có tổng lượng nước thải trung bình trong năm tính phí từ $20\text{m}^3/\text{ngày}$ trở lên:

Hàng quý, chậm nhất là ngày 20 của tháng đầu tiên của quý tiếp theo, người nộp phí kê khai phí theo Mẫu số 02 ban hành kèm theo Nghị định số 53/2020/NĐ-CP với tổ chức thu phí và nộp phí vào tài khoản “Tạm thu phí bảo vệ môi trường đối với nước thải công nghiệp” của tổ chức thu phí mở tại Kho bạc Nhà nước, nộp bổ sung số phí phải nộp theo Thông báo của tổ chức thu phí (nếu có) trong thời hạn 10 ngày kể từ khi có Thông báo.

b) Đối với cơ sở có tổng lượng nước thải trung bình trong năm tính phí dưới $20\text{m}^3/\text{ngày}$:

Người nộp phí kê khai phí một lần với tổ chức thu phí khi mới bắt đầu hoạt động theo Mẫu số 02 ban hành kèm theo Nghị định số 53/2020/NĐ-CP, thời gian khai chậm nhất là ngày 20 tháng liền sau tháng bắt đầu hoạt động.

Tổ chức thu phí thực hiện thẩm định tờ khai phí, trường hợp số phí bảo vệ môi trường phải nộp khác với số phí người nộp phí đã kê khai thì ra Thông báo nộp bổ sung theo Mẫu số 03 ban hành kèm theo Nghị định số 53/2020/NĐ-CP hoặc điều chỉnh giảm số phí phải nộp vào kỳ nộp phí tiếp theo.

c) Đối với các cơ sở sản xuất, chế biến thuộc trách nhiệm quản lý trực tiếp của Bộ Công an và Bộ Quốc phòng (trường hợp thuộc bí mật quốc phòng, an ninh): Hàng quý, chậm nhất là ngày 20 tháng đầu tiên của quý tiếp theo, người nộp

phí kê khai phí (theo Mẫu số 02 ban hành kèm theo Nghị định số 53/2020/NĐ-CP) nộp cho Bộ Công an và Bộ Quốc phòng. Bộ Công an và Bộ Quốc phòng thẩm định Tờ khai phí bảo vệ môi trường và Thông báo với Sở Tài nguyên và Môi trường nơi cơ sở hoạt động theo Mẫu số 04 ban hành kèm theo Nghị định số 53/2020/NĐ-CP chậm nhất là 30 ngày kể từ ngày nhận được Tờ khai phí.

2. Cách thức thực hiện

Nộp trực tiếp tại Sở Tài nguyên và Môi trường, Phòng Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn .

3. Thành phần, số lượng hồ sơ

3.1. Thành phần hồ sơ:

- Đối với nước thải sinh hoạt: Mẫu số 01 ban hành kèm theo Nghị định số 53/2020/NĐ-CP.

- Đối với nước thải công nghiệp: Mẫu số 02 ban hành kèm theo Nghị định số 53/2020/NĐ-CP.

3.2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

4. Thời gian giải quyết

4.1. Tại Ủy ban nhân dân phường, thị trấn: Không quy định thời gian giải quyết.

4.2. Tại Sở Tài nguyên và Môi trường, Phòng Tài nguyên và Môi trường: 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận Tờ khai phí.

5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức và cá nhân.

6. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Sở Tài nguyên và Môi trường, Phòng Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn

7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Thông báo nộp phí bảo vệ môi trường đối với nước thải theo Mẫu số 03 ban hành kèm theo Nghị định số 53/2020/NĐ-CP hoặc điều chỉnh giảm số phí phải nộp vào kỳ nộp phí tiếp theo (nếu có).

8. Phí, lệ phí: Không.

9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai

- Tờ khai nộp phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt theo Mẫu số 01 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 53/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 5 năm 2020 của Chính phủ về phí bảo vệ môi trường đối với nước thải (biểu mẫu kèm theo).

10. Yêu cầu, điều kiện của TTHC: Không

11. Căn cứ pháp lý của TTHC:

Nghị định số 53/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 5 năm 2020 của Chính phủ về phí bảo vệ môi trường đối với nước thải./.

Mẫu số 01

TÊN ĐƠN VỊ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỜ KHAI NỘP PHÍ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
ĐỐI VỚI NƯỚC THẢI SINH HOẠT

Quý..... năm.....

Kính gửi:(tên cơ quan thu phí).....

- Tên đơn vị nộp phí:
- Địa chỉ:
- Điện thoại:Fax:..... Email:
- Tài khoản số:Tại Ngân hàng:.....

Số TT	Chỉ tiêu	
1	Số lượng nước sạch tự khai thác để sử dụng trong quý	...m ³
2	Giá bán nước sạch cho đối tượng sản xuất, kinh doanh dịch vụ tại địa phương	... đồng/m ³
3	Mức phí áp dụng tại địa phương	...%
4	Số tiền phí phải nộp trong quý (=1 x 2 x 3)	...

Số tiền phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt phải nộp ngân sách nhà nước (viết bằng chữ):

Tôi xin cam đoan số liệu kê khai trên đây là đầy đủ và chính xác./.

....., ngàythángnăm

(Thủ trưởng đơn vị)

(Ký tên, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

TÊN NGƯỜI
NỘP PHÍ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**TỜ KHAI NỘP PHÍ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
ĐỐI VỚI NƯỚC THẢI CÔNG NGHIỆP**

Quýnăm.....

Kính gửi: Sở Tài nguyên và Môi trường

I. THÔNG TIN CHUNG

- Tên người nộp phí:

- Địa chỉ:

- MST:

--	--

--	--	--	--	--	--	--	--

--

--	--	--

- Điện thoại:Fax: Email:

- Tài khoản số:Tại Ngân hàng:.....

- Lĩnh vực sản xuất, chế biến:

- Lượng nước sử dụng trung bình hàng ngày (m³):

- Phương pháp xử lý nước thải:

- Lượng nước thải trung bình trong năm tính phí (m³/ngày):

II. THÔNG TIN VỀ HOẠT ĐỘNG TRONG QUÝ TÍNH PHÍ

1. Số phí cố định phải nộp kỳ này: f =đồng

2. Số phí biến đổi phải nộp trong quý:

a) Tổng lượng nước thải trong quý (m³):

Căn cứ để kê khai tổng lượng nước thải trong quý:

b) Hàm lượng thông số ô nhiễm trong nước thải tính phí:

Thông số ô nhiễm	Hàm lượng (mg/l)	Căn cứ để kê khai hàm lượng thông số ô nhiễm (ghi rõ tên đơn vị phân tích, thời gian phân tích)

c) Số phí biến đổi phải nộp trong quý: $Cq = \dots\dots\dots$ đồng

3. Số phí phải nộp vào ngân sách nhà nước:

Số TT	Chỉ tiêu	Số tiền (đồng)
1	Số phí phát sinh quý này $Fq = (f/4) + Cq$	
2	Số phí từ quý trước chưa nộp hoặc nộp thiếu (nếu có)	
3	Số phí nộp thừa từ quý trước (nếu có)	
4	Số phí phải nộp vào ngân sách nhà nước $(1 + 2 - 3)$	

III. SỐ TIỀN PHÍ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI NƯỚC THẢI PHẢI NỘP VÀO NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC KỲ NÀY LÀ *(viết bằng chữ).....*

Tôi cam đoan số liệu kê khai trên đây là đúng với thực tế hoạt động của đơn vị./.

Sở Tài nguyên và Môi trường
nhận Tờ khai ngày
(Người nhận ký và ghi rõ họ tên)

....., Ngàytháng.... năm
(Thủ trưởng đơn vị khai, nộp
phí)
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)